

## **BÁO CÁO THẨM ĐỊNH**

**Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất, đá phong hóa tầng phủ làm vật liệu san lấp tại mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: UBND tỉnh Quảng Ngãi

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 08/9/2023 của Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh về việc đề nghị phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đất, đá phong hóa tầng phủ làm vật liệu san lấp (VLSSL) tại mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (kèm theo các hồ sơ liên quan); sau khi xem xét, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

### **I. Căn cứ pháp lý:**

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá là VLXD thông thường tại mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (Trữ lượng tính đến ngày 15/3/2018); điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Điều 1 Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 07/6/2018 của UBND tỉnh tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2023;

Căn cứ Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương

án cải tạo, phục tạo môi trường Dự án khai thác đá làm VLXD thông thường tại mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-UBND ngày 20/05/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

## **II. Thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:**

- Tên tổ chức: Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh.
- Địa chỉ: Thôn Phước Hòa, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Số điện thoại: 0972.161.084.
- Người đại diện pháp luật: Ông Phạm Toàn Trung; Chức vụ: Giám đốc.
- Mã số thuế: 4300795001.
- Loại khoáng sản: Đất làm vật liệu san lấp (*Mã nhóm loại tài nguyên III*).
- Vị trí (hành chính, địa lý) của khu vực xin cấp phép khai thác: Mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

## **III. Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:**

Căn cứ Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính theo công thức sau:

$$T = Q \times G \times K_1 \times K_2 \times R$$

Trong đó:

T - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính đồng Việt Nam;

Q - Trữ lượng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính m<sup>3</sup>;

G - Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản là trị giá đơn vị khoáng sản nguyên khai, sau khai thác, được xác định trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng;

K<sub>1</sub> - Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác; mở áp dụng phương pháp khai thác lộ thiên K<sub>1</sub>= 0,9;

K<sub>2</sub> - Hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế - xã hội; khu vực khai thác khoáng sản thuộc địa bàn huyện Bình Sơn, nằm trong danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (*theo Phụ lục II – Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư Ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư*), nên K<sub>2</sub>= 0,9.

R - Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; đơn vị tính là phần trăm (%): R = 3% (*theo Phụ lục I – Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì đất làm VLXD xếp vào Mục 2, Nhóm I - Các loại VLXD thông thường còn lại*).

Các thông số Q và G được xác định như sau:

1. Trữ lượng địa chất đất, đá phong hóa tầng phủ của mỏ đá Phước Hòa 2 đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 là 622.457m<sup>3</sup>; tuy nhiên, theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác đá đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 19/11/2018 thì khối lượng đất, đá phong hóa tầng phủ để sử dụng hoàn thổ cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác mỏ là 143.000 m<sup>3</sup>. Như vậy, sau khi trừ đi khối lượng cần để phục hồi môi trường là 143.000 m<sup>3</sup> thì khối lượng đất, đá tầng phủ dư thừa còn lại để tính tiền cấp quyền khai thác dùng làm vật liệu san lấp là 479.457 m<sup>3</sup>.

Do đó, trữ lượng đưa vào thiết kế khai thác sử dụng tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:  $Q = 479.457 \text{ m}^3$ .

2. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G):

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định:

$$G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = G_{\text{tn}} \times H_n$$

Trong đó:

-  $G_{\text{tn}} = 49.000 \text{ đồng/m}^3$  (theo Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 của UBND tỉnh).

-  $K_{\text{qd}}$  là hệ số quy đổi được xác định từ giá tính thuế tài nguyên (đơn vị tính là đồng/đơn vị sản phẩm tài nguyên) sang giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đơn vị tính là đồng/đơn vị trữ lượng).

Căn cứ quy định tại điểm a, Khoản 1, Mục IV, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 67/2019/NĐ-CP của Chính phủ, thì hệ số  $K_{\text{qd}}$  đối với nhóm khoáng sản không kim loại được xác định  $K_{\text{qd}} = H_n$ ; với  $H_n$  là hệ số nở ròi để chuyển đổi thể tích từ trạng thái tự nhiên (khoáng sản nguyên thổ trong lòng đất) sang trạng thái khoáng sản nguyên khai được xác định theo đặc tính cơ lý, của từng loại, khoáng sản được làm tròn đến số thập phân thứ ba.

Hệ số quy đổi  $K_{\text{qd}} = H_n = 1,290$  (Áp dụng theo Tiêu chuẩn Quốc gia số TCVN 4447: 2017 do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố tại Phụ lục C - Bảng C1 - Hệ số chuyển thể tích từ đất tự nhiên sang đất toi). Vậy giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định như sau:

$$G = G_{\text{tn}} \times K_{\text{qd}} = G_{\text{tn}} \times H_n = 49.000 \times 1,290 = 63.210 \text{ đồng/m}^3$$

3. Kết quả xác định tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mà doanh nghiệp phải nộp vào ngân sách nhà nước:

$T = Q \times G \times K1 \times K2 \times R = 479.457 \times 63.210 \times 0,9 \times 0,9 \times 3\% = 736.447.390 \text{ đồng}$  (Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi đồng).

4. Số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp và số lần phải nộp:

Căn cứ quy định tại Khoản 2, Điều 9, Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ thì số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đất, đá phong hóa tầng phủ làm VLSSL tại mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi mà Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh phải nộp vào ngân sách Nhà nước sẽ được thu nhiều lần. Tuy nhiên, theo cam kết của Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh tại Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 08/9/2023, thì Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh đề xuất thực hiện nộp một lần số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đất, đá phong hóa tầng phủ làm VLSSL tại mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi vào ngân sách Nhà nước. Do đó, số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đất, đá phong hóa tầng phủ làm VLSSL tại mỏ đá Phước Hòa 2, xã Bình Trị và xã Bình Đông, huyện Bình Sơn mà Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh phải nộp một lần vào ngân sách Nhà nước theo Thông báo của Cục Thuế tỉnh là 736.447.390 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm chín mươi đồng*).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công ty TNHH Khai thác đá Thiên Thịnh;
- GD Sở TN và MT;
- Lưu: VT, KS-TNN<sub>(ND316)</sub>.

**Q. GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Đức Trung**